



CÔNG TY DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Kiểm toán. Thuế. Tài chính doanh nghiệp. Đào tạo

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BETA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Cựu	Chủ tịch
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch
Ông Huỳnh Văn Tốt	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Văn Thiên	Trưởng ban
Ông Tôn Thất Lâm Khánh	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó Tổng Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 và đến ngày lập Báo cáo này là Ông Nguyễn Hữu Trường.

Ngoài lương và các khoản phụ cấp theo lương, không một thành viên nào trong Hội đồng Quản trị hoặc Ban Tổng Giám đốc có bất kỳ một khoản thu nhập nào khác từ một hợp đồng ký với Công ty hay một bên liên quan.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KÝ KẾ TOÁN

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được soát xét bởi Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán đối với Công ty Chứng khoán và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05 tháng 04 năm 2012 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và quy định về quản trị Công ty tại Thông tư số 121/2012/TT-BTC ngày 26/07/2012 của Bộ Tài chính về việc Quy định quản trị Công ty áp dụng cho các Công ty Đại chúng.

CÔNG BỐ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Chứng Khoán BETA phê duyệt Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Nguyễn Văn Cựu

Chủ tịch

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Huỳnh Văn Tốt

Tổng Giám đốc

Số: 66 /2014/UHYHCM - BCKTDL

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Về Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30/06/2014 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014. Báo cáo tài chính của Công ty được lập ngày 11/08/2014, trình bày từ trang 06 đến trang 38 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Giám đốc đơn vị. Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Tại ngày 30/06/2014, giá trị đầu tư dài hạn của Công ty vào các công ty chưa niêm yết là: 142.255.125.000 đồng, chiếm 36,58% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2014 và phần lớn phát sinh trước năm 2014. Theo quy định tại Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30/11/2012 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thành lập Công ty Chứng khoán ("Thông tư 210"), Công ty Chứng khoán không được sử dụng quá hai mươi phần trăm (20%) vốn chủ sở hữu để đầu tư vào các Công ty chưa niêm yết. Theo đó, giá trị vượt mức đầu tư theo quy định số tiền: 64.478.605.454 đồng.

Tại ngày 30/06/2014, giá trị đầu tư của Công ty vào cổ phiếu niêm yết mã STB là 69.697.250.005 đồng, giá trị ủy thác đầu tư cho các cá nhân với tài sản đảm bảo là cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 189.000.000.000 đồng. Theo đó, tổng giá trị các khoản đầu tư liên quan đến cổ phiếu niêm yết mã STB có giá trị là 258.697.250.005 đồng. Công ty đã trích lập dự phòng cho khoản Công ty tự đầu tư số tiền 2.934.833.605 đồng, tổng giá trị đầu tư thuần số tiền 255.762.416.400 đồng, chiếm 65,77% vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2014. Bên cạnh đó, Công ty cũng ủy thác đầu tư cho một số cá nhân với tài sản đảm bảo là các cổ phiếu khác, tổng số tiền là 12.129.719.500 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, các hoạt động ủy thác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014, Công ty không tiếp tục thực hiện ký mới hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán tuy nhiên số dư phải thu khách hàng của hoạt động này tại ngày 01/01/2014 là: 343.999.679.302 đồng. Tại ngày 30/06/2014 Công ty đã thực hiện thu hồi toàn bộ số dư này tuy nhiên Doanh thu và chi phí liên quan đến hoạt động này phát sinh trong kỳ với số tiền là: 15.730.787.522 đồng và 13.704.801.370 đồng. Theo quy định tại Thông tư 210, hoạt động hợp tác đầu tư chứng khoán nêu trên không được thực hiện do chưa có quy định, hướng dẫn của Bộ Tài chính do đó Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của Doanh thu và chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động này đến Báo cáo tài chính kèm theo.

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Tại ngày 30/06/2014, giá trị đầu tư của Công ty vào Căn hộ Hoàng Anh Gia Lai số tiền 3.514.818.000 đồng. Giá trị đầu tư này phát sinh từ năm 2009. Công ty đã có kế hoạch thu hồi tuy nhiên đến nay vẫn chưa thực hiện được. Hoạt động đầu tư này không được phép thực hiện theo quy định của Thông tư 210.

Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty đang được lập trên giả định hoạt động liên tục. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, giả định này có thể bị thay đổi.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính kèm theo đây của Công ty Cổ phần Chứng khoán Beta không phản ánh trung thực và hợp lý xét trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phan Thanh Điền
Giám đốc
Giấy CNDKHNKT
số 1496-2013-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CHI NHÁNH CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY
TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

A blue handwritten signature of Mai Việt Hùng.

Mai Việt Hùng
Kiểm toán viên
Giấy CNDKHNKT
số 2334-2013-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		352.420.878.911	679.563.992.622
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.276.023.566	39.165.910.305
Tiền	111		46.276.023.566	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	66.769.154.009	55.749.655.365
Đầu tư ngắn hạn	121	5.3	69.706.876.998	69.707.241.998
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	5.1	(2.937.722.989)	(13.957.586.633)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130	6	238.031.353.181	583.849.420.091
Phải thu của khách hàng	131		-	-
Trả trước cho người bán	132		2.072.339.000	1.149.232.000
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135	6.1	27.066.568.244	4.740.051.268
Các khoản phải thu khác	138		234.225.228.509	603.489.919.395
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	6.2	(25.332.782.572)	(25.529.782.572)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.344.348.155	799.006.861
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		621.579.671	188.315.058
Tài sản ngắn hạn khác	158		722.768.484	610.691.803
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		164.801.460.645	157.087.507.673
Tài sản cố định	220		4.233.651.107	5.256.570.593
Tài sản cố định hữu hình	221	9	3.380.154.171	3.973.760.807
- Nguyên giá	222		19.064.430.117	19.064.430.117
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(15.684.275.946)	(15.090.669.310)
Tài sản cố định vô hình	227	10	853.496.936	1.282.809.786
- Nguyên giá	228		4.734.660.821	4.689.660.821
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.881.163.885)	(3.406.851.035)
Bất động sản đầu tư	240	11	1.640.248.400	1.815.989.300
- Nguyên giá	241		3.514.818.000	3.514.818.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.874.569.600)	(1.698.828.700)
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	5	150.209.566.249	143.838.566.249
Đầu tư chứng khoán dài hạn	253	5.3	11.519.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	5.4	142.255.125.000	127.403.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	5.1	(3.564.558.751)	(3.564.558.751)
Tài sản dài hạn khác	260		8.717.994.889	6.176.381.531
Chi phí trả trước dài hạn	261		1.018.162.481	263.549.123
Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	7	2.849.832.408	2.849.832.408
Tài sản dài hạn khác	268	8	4.850.000.000	3.063.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		517.222.339.556	836.651.500.295

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		128.327.195.300	449.996.403.089
Nợ ngắn hạn	310		128.327.195.300	449.996.403.089
Vay và nợ ngắn hạn	311	12	107.500.000.000	436.561.000.000
Phải trả người bán	312		83.160.388	55.634.800
Người mua trả tiền trước	313		152.000.000	117.000.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	13	155.110.044	207.158.257
Phải trả người lao động	315		-	771.470.097
Chi phí phải trả	316	14	22.971.860	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	15	13.273.059.750	9.986.489.067
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320	16	6.476.972.258	1.333.805.790
Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		-	52.971.737
Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322		6.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		657.921.000	657.921.000
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328		-	233.170.621
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		388.895.144.256	386.655.097.206
Vốn chủ sở hữu	410	17	388.895.144.256	386.655.097.206
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	417		1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính	418		657.921.000	657.921.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(14.207.048.001)	(16.447.095.051)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		517.222.339.556	836.651.500.295

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Chứng khoán lưu ký	006	1.263.772.850.000	1.126.808.000.000
Trong đó:			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	007	713.705.930.000	543.728.100.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	5.390.000	5.170.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	712.658.250.000	541.857.840.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010	1.042.290.000	1.865.090.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch</i>	012	862.860.000	847.460.000
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của thành viên lưu ký	013		
Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước	014	862.860.000	847.460.000
<i>Chứng khoán cầm cố</i>	017	494.031.140.000	560.333.050.000
Chứng khoán cầm cố của thành viên lưu ký	018	32.408.940.000	32.408.940.000
Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước	019	461.622.200.000	527.924.110.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán</i>	027	4.389.700.000	3.149.300.000
Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	4.389.700.000	3.149.300.000
<i>Chứng khoán phong tỏa chờ rút</i>	032	-	-
<i>Chứng khoán chờ giao dịch</i>	037	47.550.000	856.980.000
Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	-	80.000
Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	47.550.000	856.900.000
<i>Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay</i>	042	50.735.670.000	17.893.110.000
Chứng khoán ký quỹ đảm bảo khoản vay của khách hàng trong nước	044	50.735.670.000	17.893.110.000
Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết	050	14.731.620.000	421.622.040.000
Trong đó:			
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	051	14.731.620.000	210.811.020.000
Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	052	40.000	540.000
Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	053	14.731.580.000	210.810.480.000



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014	Từ 01/01/2013
			đến 30/06/2014	đến 30/06/2013
			VND	VND
Doanh thu	01	18	20.469.387.004	107.735.147.020
<i>Trong đó:</i>				
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		1.264.352.170	1.655.722.866
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		1.519.087.767	5.632.300.502
Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		217.489.722	94.545.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		122.667.098	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	01.7		-	23.556.000
Doanh thu khác	01.9		17.345.790.247	100.329.022.197
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		20.469.387.004	107.735.147.020
Doanh thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán và lãi đầu tư	14		20.469.387.004	107.735.147.020
Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán	11	19	11.762.488.498	101.178.333.298
Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		8.706.898.506	6.556.813.722
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	20	6.482.928.942	12.798.921.254
(Lỗ)/lãi thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.223.969.564	(6.242.107.532)
Thu nhập khác	31		16.077.487	1.650
Chi phí khác	32		1	9.000
Lợi nhuận khác	40		16.077.486	(7.350)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.240.047.050	(6.242.114.882)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.240.047.050	(6.242.114.882)
(Lỗ)/lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		56	(156)



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2014 đến	Từ 01/01/2013 đến
			30/06/2014	30/06/2013
			VND	VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
(Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	1		2.240.047.050	(6.242.114.882)
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ	2		1.243.660.386	1.610.042.656
Các khoản dự phòng	3		(11.216.863.644)	(3.014.654.956)
Lãi hoạt động đầu tư	5		(1.518.722.767)	(8.920.257.129)
Chi phí lãi vay	6		20.228.071.730	41.517.704.194
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		10.976.192.755	24.950.719.883
Giảm/(Tăng) các khoản phải thu	9		345.902.990.229	695.470.558.026
(Giảm)/Tăng các khoản phải trả	11		7.391.792.211	(468.019.483.357)
Giảm chi phí trả trước	12		(1.187.877.971)	(8.907.124)
Tiền lãi vay đã trả	13		(20.228.071.730)	(60.324.174.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		13.000.000	477.525.303
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(1.800.000.000)	(400.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		341.068.025.494	192.146.238.643
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21		(45.000.000)	(421.076.000)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(14.852.000.000)	(1.100.422.800)
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		8.481.000.000	41.922.731.186
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.519.087.767	2.633.555.738
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.896.912.233)	43.034.788.124
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	100.000.000.000
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(329.061.000.000)	(323.706.465.064)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(329.061.000.000)	(223.706.465.064)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		7.110.113.261	11.474.561.703
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		39.165.910.305	18.888.334.525
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	46.276.023.566	30.362.896.228



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Chi tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
		Tại 01/01/2013	Tại 01/01/2014	6 tháng đầu năm 2013		6 tháng đầu năm 2014		Tại 30/06/2013	Tại 30/06/2014
		VND	VND	Tăng VND	Giảm VND	Tăng VND	Giảm VND	VND	VND
Vốn chủ sở hữu									
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.1	400.000.000.000	400.000.000.000	-	-	-	-	400.000.000.000	400.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển		1.417.993.257	1.786.350.257	368.357.000	-	-	-	1.786.350.257	1.786.350.257
Quỹ dự phòng tài chính		289.564.000	657.921.000	368.357.000	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		289.564.000	657.921.000	368.357.000	-	-	-	657.921.000	657.921.000
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	18.2	13.222.987.417	(16.447.095.051)	-	10.638.195.314	2.240.047.050	-	2.584.792.103	(14.207.048.001)
Cộng		415.220.108.674	386.655.097.206	1.105.071.000	10.638.195.314	2.240.047.050	-	405.686.984.360	388.895.144.256



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 KHÁI QUÁT CHUNG

Công ty Cổ phần Chứng khoán BETA (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam, theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 67/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 06/12/2007 và Giấy phép điều chỉnh mới nhất số 49/GPĐC-UBCK ngày 14/11/2013 về thay đổi địa điểm trụ sở chính tại Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP Hồ Chí Minh.

Tổng vốn điều lệ của Công ty là 400.000.000.000 đồng, chia thành 40.000.000 cổ phần, không có cổ phần ưu đãi, mệnh giá 10.000 đồng/1 cổ phần.

Trụ sở chính: Tầng 4-5 số 55 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Tại ngày 30/06/2014, Công ty có 01 chi nhánh: Chi nhánh Hà Nội, đặt tại tầng 5, số 88 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tổng số nhân viên 6 tháng đầu năm 2014 của Công ty là 49 người (năm 2013 là 84 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán; và
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam (Công ty tuân thủ Chế độ kế toán công ty chứng khoán ban hành kèm theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 của Bộ Tài chính, Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 sửa đổi bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC) và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở giá định Công ty đang hoạt động liên tục và sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần, Công ty không có ý định cũng như không buộc phải ngừng hoạt động hoặc phải thu hẹp đáng kể quy mô hoạt động của mình.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

Báo cáo tài chính kèm theo được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2013 ngoại trừ việc áp dụng Thông tư 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành luật thuế giá trị gia tăng và nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế giá trị gia tăng và việc áp dụng Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn thi hành luật thuế thu nhập doanh nghiệp và nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều luật thuế thu nhập doanh nghiệp được trình bày tại Thuyết minh số 3.11.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giá định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giá định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Tiền và các khoản tương đương tiền cũng bao gồm các khoản tiền gửi để kinh doanh chứng khoán của nhà đầu tư.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư tài chính ngắn hạn là những chứng khoán giữ cho mục đích kinh doanh (cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu repo và trái phiếu chuyển đổi) được ghi nhận theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc.

Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư tài chính dài hạn bao gồm các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết, góp vốn vào các công ty cổ phần nắm giữ dưới 20% vốn, được ghi nhận ban đầu theo giá gốc vào ngày giao dịch và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian nắm giữ tiếp theo.

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá gốc chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN (TIẾP)

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 và Thông tư số 89/2013 của Bộ Tài chính về việc “Hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp” và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 sửa đổi bổ sung thông tư số 228/2009/TT-BTC nêu trên. Cụ thể như sau:

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán:

Dự phòng giảm giá đối với các khoản đầu tư chứng khoán được lập vào thời điểm bán niên là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán đã niêm yết: giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế; tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá bình quân tại ngày trích lập dự phòng; tại Sở giao dịch chứng khoán Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định như sau:
 - Đối với các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (upcom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.
 - Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Công ty không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

Đối với những chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

Tại ngày 30/06/2014, Công ty chưa xem xét trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng chỉ quỹ của Quỹ đầu tư chứng khoán y tế Bản Việt.

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn:

Các khoản vốn doanh nghiệp đang đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được thành lập theo quy định của pháp luật như Công ty Nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh... và các khoản đầu tư tài chính dài hạn khác phải trích lập dự phòng nếu tổ chức kinh tế mà doanh nghiệp đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

Tại ngày 30/06/2014, Công ty chưa xem xét trích lập bổ sung dự phòng giảm giá với các khoản đầu tư tài chính dài hạn, tổng số tiền đầu tư dài hạn 142.255.125.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và luôn được phản ánh theo giá gốc trong thời gian tiếp theo.

Các khoản phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị cơ quan pháp luật truy tố, xét xử, đang thi hành án hoặc chết. Chi phí dự phòng được hạch toán vào “chi phí quản lý doanh nghiệp” trong kỳ.

Trường hợp đánh giá các khoản công nợ có thể thu hồi được Công ty tiếp tục gia hạn nợ và không trích lập dự phòng phải thu khó đòi.

Đối với các khoản phải thu quá hạn thanh toán, Công ty trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 228/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07/12/2009.

3.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÀ KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

	Số năm khấu hao (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 10
Máy móc, thiết bị	3 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 10
Phần mềm	3
Thiết bị dụng cụ quản lý	2 - 5
Tài sản cố định khác	1 - 5

3.7 BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư là giá trị nhà do Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản trong vòng 10 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

3.9 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu của Công ty được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty xác định khả năng chắc chắn thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này: khi giao dịch chứng khoán đã thành công, dịch vụ đã cung cấp và chuyển giao phần lớn lợi ích cũng như rủi ro cho khách hàng, được khách hàng thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Giao dịch chứng khoán được coi là thành công khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch khớp lệnh và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm giao dịch chứng khoán (đối với chứng khoán niêm yết) hay khi thoả thuận về chuyển giao tài sản theo Hợp đồng chuyển nhượng chứng khoán được hoàn tất (đối với chứng khoán không niêm yết).

Doanh thu môi giới chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi giao dịch của nhà đầu tư được coi là thành công, Công ty thực nhận được tiền phí môi giới từ khách hàng.

Doanh thu quản lý danh mục đầu tư

Doanh thu từ hoạt động quản lý danh mục đầu tư được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo giá trị thoả thuận hoặc theo phương pháp tính toán ghi trên từng hợp đồng. Doanh thu được ghi nhận hàng kỳ trên cơ sở phân bổ doanh thu của hợp đồng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn hợp đồng.

Doanh thu tư vấn đầu tư chứng khoán

Doanh thu từ hoạt động tư vấn đầu tư chứng khoán được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành giao dịch tại ngày kết thúc năm tài chính. Tỷ lệ hoàn thành được đánh giá dựa trên việc xem xét các công việc đã được thực hiện trong toàn bộ cam kết hoặc nghĩa vụ của Công ty đối với khách hàng.

Doanh thu về vốn kinh doanh

Doanh thu về vốn kinh doanh phản ánh thu nhập từ lãi tiền gửi ngân hàng, lãi tiền gửi tiết kiệm và kỳ phiếu ngân hàng, được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích và được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi ngân hàng, tiền gửi tiết kiệm và lãi suất áp dụng cho từng thời kỳ của các ngân hàng.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Lợi nhuận được chia từ các hoạt động đầu tư ra bên ngoài dưới hình thức đầu tư chứng khoán dài hạn hoặc đầu tư dài hạn khác được ghi nhận trong Báo cáo kết quả kinh doanh khi có bằng chứng xác thực về quyền được nhận cổ tức, số lãi được chia. Ngoài ra, doanh thu từ hoạt động đầu tư cũng bao gồm cổ tức hoặc lãi trái phiếu mà Công ty được chia trong thời gian nắm giữ các loại chứng khoán ngắn hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.10 GHI NHẬN CHI PHÍ

Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: khoản lỗ bán chứng khoán tự doanh, các chi phí thực tế phát sinh có liên quan đến việc thực hiện doanh thu của các hoạt động môi giới chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư, tư vấn đầu tư chứng khoán và các hoạt động khác. Chi phí phát sinh trong năm được tập hợp theo thực tế và ước tính đúng năm tài chính. Căn cứ vào thời điểm ghi nhận doanh thu nêu trên, Công ty kết chuyển chi phí kinh doanh chứng khoán tương ứng để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

3.11 THUẾ

Thuế Giá trị gia tăng

Công ty áp dụng Thông tư số 219/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31/12/2013 áp dụng từ ngày 01/01/2014. Theo thông tư này thì hoạt động kinh doanh chứng khoán bao gồm: môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, lưu ký chứng khoán, quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, quản lý công ty đầu tư chứng khoán, quản lý danh mục đầu tư chứng khoán, dịch vụ tổ chức thị trường của các sở hoặc trung tâm giao dịch chứng khoán, dịch vụ liên quan đến chứng khoán đăng ký, lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam, cho khách hàng vay tiền để thực hiện giao dịch ký quỹ, ứng trước tiền bán chứng khoán và các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của Bộ Tài chính sẽ thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT.

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp hàng năm được tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp khoản thuế phát sinh liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, khi đó khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, áp dụng mức thuế suất hiện hành tại ngày kết thúc năm tài chính, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty áp dụng Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/06/2014 của Bộ Tài chính. Theo thông tư này Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành Công ty đang áp dụng là 22% (năm 2013 là 25%).

Việc xác định lợi nhuận chịu thuế căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.12 CÁC BÊN LIÊN QUAN

Một bên được coi là Bên liên quan của Công ty nếu có khả năng kiểm soát được hoặc có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty hoặc chịu sự kiểm soát hoặc chịu ảnh hưởng đáng kể của Công ty trong việc ra quyết định về tài chính và hoạt động kinh doanh. Khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể được thể hiện thông qua quyền biểu quyết trong việc ra các quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, quan hệ tài sản, công nợ và các giao dịch với các bên bị chi phối bởi cùng một chủ thể thì cũng được coi là quan hệ và giao dịch với các bên liên quan. Chủ thể chi phối có thể là đơn vị kinh tế hoặc cá nhân nhà đầu tư, nhà quản lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Theo đó, các bên liên quan của các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty, các Cổ đông lớn của Công ty và các đối tác có giao dịch lớn trong năm với Công ty.

3.13 BẢO CÁO BỘ PHẬN

Công ty có hoạt động kinh doanh chính liên quan đến môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, lưu ký chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán và bảo lãnh phát hành chứng khoán. Các hoạt động này được thực hiện theo một quy trình chung và hoạt động trên một khu vực địa lý duy nhất (trụ sở chính Công ty). Do đó, theo chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – Báo cáo bộ phận, Công ty không cần lập Báo cáo bộ phận.

3.14 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuận hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Tiền mặt	909.126.665	102.086.946
Tiền gửi ngân hàng	45.366.896.901	39.063.823.359
Trong đó:		
+ Tiền gửi ngân hàng của Công ty	33.886.351.944	30.888.533.073
+ Tiền ký quỹ của nhà đầu tư	11.480.544.957	8.175.290.286
Cộng	46.276.023.566	39.165.910.305

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Đầu tư tài chính ngắn hạn	66.769.154.009	55.749.655.365
Chứng khoán thương mại (5.3)	69.706.876.998	69.707.241.998
+ Chứng khoán niêm yết	69.706.826.198	69.706.826.198
+ Chứng khoán chưa niêm yết	50.800	415.800
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (5.1)	(2.937.722.989)	(13.957.586.633)
Đầu tư tài chính dài hạn	150.209.566.249	143.838.566.249
Chứng khoán sẵn sàng để bán (5.3)	11.519.000.000	20.000.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	11.519.000.000	20.000.000.000
Đầu tư dài hạn khác (5.4)	142.255.125.000	127.403.125.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (5.1)	(3.564.558.751)	(3.564.558.751)
Cộng	216.978.720.258	199.588.221.614

5.1 CHI TIẾT DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ CHỨNG KHOẢN

	Tại 30/06/2014 VND	Tại 01/01/2014 VND
Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết	(2.937.722.989)	(13.957.586.633)
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn	(3.564.558.751)	(3.564.558.751)
Cộng	(6.502.281.740)	(17.522.145.384)

5.2 GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG KỶ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ CP	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ VND
	Các giao dịch của công ty chứng khoán	-
Cổ phiếu		
Các giao dịch của nhà đầu tư	68.264.389	806.698.862.900
Cổ phiếu	68.264.389	806.698.862.900
Chứng khoán khác	50	470.000
Cộng	68.264.389	806.698.862.900

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Tại	Tại	Tại	Tại	Tăng		Giảm		Tại	Tại
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Chứng khoán thương mại	3.241.437	3.241.473	69.706.876.998	69.707.241.998	1.920.891	1.427.635	(2.937.722.989)	(13.957.586.633)	66.771.074.900	55.751.083.000
Chứng khoán niêm yết	3.241.401	3.241.387	69.706.061.732	69.706.061.732	1.920.891	1.427.635	(2.937.081.923)	(13.956.551.367)	66.770.900.700	55.750.938.000
<i>Sàn GDCK Hà Nội</i>	243	233	3.178.700	3.178.700	123.200	108.800	(1.300.800)	(1.666.500)	2.001.100	1.621.000
MAC	97	87	907.300	907.300	-	-	(315.600)	(472.300)	591.700	435.000
NGC	20	20	314.000	314.000	-	-	(4.000)	(40.000)	310.000	274.000
NHC	7	7	224.000	224.000	-	-	(31.500)	(77.700)	192.500	146.300
SSM	21	21	365.400	365.400	-	-	(140.700)	(178.500)	224.700	186.900
TPP	8	8	-	-	123.200	108.800	-	-	123.200	108.800
VCR	40	40	188.000	188.000	-	-	(84.000)	(88.000)	104.000	100.000
VE9	50	50	1.180.000	1.180.000	-	-	(725.000)	(810.000)	455.000	370.000
Sàn GDCK TPHCM	3.241.158	3.241.154	69.702.883.032	69.702.883.032	1.797.691	1.318.835	(2.935.781.123)	(13.954.884.867)	66.768.899.600	55.749.317.000
ABT	2	2	81.800	81.800	17.800	-	-	(800)	99.600	81.000
AGR	1	1	12.500	12.500	-	-	(5.500)	(7.700)	7.000	4.800
BMC	12	12	189.600	189.600	216.000	294.000	-	-	405.600	483.600
CLC	9	9	153.900	153.900	99.000	121.500	-	-	252.900	275.400
CTG	4	4	84.800	84.800	-	-	(26.800)	(20.000)	58.000	64.800
DCT	5	5	44.000	44.000	-	-	(30.000)	(30.500)	14.000	13.500
DIG	6	6	217.200	217.200	-	-	(122.400)	(142.800)	94.800	74.400
DMC	9	6	171.000	171.000	182.700	112.800	-	-	353.700	283.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá thị trường	
	Tại	Tại	Tại	Tại	Tăng		Giảm		Tại	Tại
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
DTL	5	5	100.000	100.000	-	-	(52.000)	(41.000)	48.000	59.000
EIB	9	9	130.412	130.412	-	-	(11.612)	(17.912)	118.800	112.500
GIL	5	5	105.000	105.000	15.000	34.000	-	-	120.000	139.000
GTT	3	3	29.556	29.556	-	6.444	(13.356)	-	16.200	36.000
HAX	7	7	76.200	76.200	-	-	(27.900)	(46.800)	48.300	29.400
HLG	5	5	51.000	51.000	-	-	(26.000)	(22.500)	25.000	28.500
HPG	12	11	321.500	321.500	326.500	130.600	-	-	648.000	452.100
HSG	2	2	33.400	33.400	54.600	49.200	-	-	88.000	82.600
ITA	2	2	29.829	29.829	-	-	(13.829)	(16.629)	16.000	13.200
ITC	5	5	110.500	110.500	-	-	(72.000)	(72.000)	38.500	38.500
KDC	6	6	247.000	247.000	113.000	59.000	-	-	360.000	306.000
LAF	1	1	22.800	22.800	-	-	(12.000)	(14.700)	10.800	8.100
LCG	2	2	15.600	15.600	-	-	(1.200)	(2.800)	14.400	12.800
MBB	1	1	26.180	26.180	-	-	(12.380)	(13.480)	13.800	12.700
PGC	2	2	30.400	30.400	-	-	(5.400)	(5.200)	25.000	25.200
PNJ	4	4	133.200	133.200	-	-	(13.200)	(10.800)	120.000	122.400
PVD	9	9	500.732	500.732	241.768	48.268	-	-	742.500	549.000
PVT	6	6	56.400	56.400	16.200	13.800	-	-	72.600	70.200
REE	6	6	94.677	94.677	63.123	82.923	-	-	157.800	177.600
SCS	27	27	420.800	420.800	294.700	200.200	-	-	715.500	621.000
SFC	8	8	230.400	230.400	-	-	(44.800)	(38.400)	185.600	192.000
SGT	5	5	53.500	53.500	-	-	(33.000)	(31.500)	20.500	22.000
SJS	5	5	285.000	285.000	-	-	(195.500)	(192.500)	89.500	92.500
STB	3.240.894	3.240.894	69.697.250.005	69.697.250.005	-	-	(2.934.833.605)	(13.953.873.205)	66.762.416.400	55.743.376.800
STG	1	1	23.100	23.100	900	-	-	(4.300)	24.000	18.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.3 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN (TIẾP)

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		Giá trị trường so với sổ sách				Tổng giá trị theo giá trị trường	
	Tại	Tại	Tại	Tại	Tăng		Giảm		Tại	Tại
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
CP	CP	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
TCM	6	6	128.400	128.400	36.600	-	-	(4.800)	165.000	123.600
TCR	7	7	57.200	57.200	-	-	(18.000)	(29.900)	39.200	27.300
TLH	7	7	106.074	106.074	-	-	(43.774)	(53.574)	62.300	52.500
TMS	1	1	26.200	26.200	5.800	2.100	-	-	32.000	28.300
TNA	6	6	159.000	159.000	-	-	(1.200)	(15.000)	157.800	144.000
TS4	10	10	159.400	159.400	-	-	(61.400)	(64.400)	98.000	95.000
VCB	4	4	110.567	110.567	-	-	(5.767)	(3.367)	104.800	107.200
VIC	9	9	481.500	481.500	94.500	148.500	-	-	576.000	630.000
VPH	5	5	119.000	119.000	-	-	(77.500)	(76.500)	41.500	42.500
VSH	5	5	58.500	58.500	19.500	15.500	-	-	78.000	74.000
VTO	18	18	145.200	145.200	-	-	(21.000)	(31.800)	124.200	113.400
UPCOM	32	32	764.466	764.466	-	-	(590.266)	(619.466)	174.200	145.000
HBD	10	10	242.247	242.247	-	-	(125.247)	(130.247)	117.000	112.000
VSP	22	22	522.219	522.219	-	-	(465.019)	(489.219)	57.200	33.000
OTC	4	54	50.800	415.800	-	-	(50.800)	(415.800)	-	-
MCV	4	4	50.800	50.800	-	-	(50.800)	(50.800)	-	-
SVS	-	50	-	365.000	-	-	-	(365.000)	-	-
II. Chứng khoán đầu tư	115,19	200	11.519.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	20.000.000.000
I. Chứng khoán sẵn sàng để bán	115,19	200	11.519.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	20.000.000.000
+ Chứng chỉ quỹ	115,19	200	11.519.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	20.000.000.000
- Quỹ đầu tư	115,19	200	11.519.000.000	20.000.000.000	-	-	-	-	11.519.000.000	20.000.000.000
Chứng khoán Y tế										
Bán Việt										
Cộng	3.241.552	3.241.673	81.225.876.998	89.707.241.998	1.920.891	1.427.635	(2.937.722.989)	(13.957.586.633)	78.290.074.900	75.751.083.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

5.4 TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị ghi sổ	
	Tại	Tại	Tại	Tại
	30/06/2014	01/01/2014	30/06/2014	01/01/2014
	CP	CP	VND	VND
Đầu tư dài hạn khác	11.674.125	10.948.125	142.255.125.000	127.403.125.000
Công ty CP Nhà An Phú (APH)	316.250	316.250	8.287.500.000	8.287.500.000
Công ty CP bia & nước giải khát Việt Hà (*)	100.000	100.000	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty CP ôtô Đô Thành	1.300.000	1.300.000	13.000.000.000	13.000.000.000
Công ty CP Thời Trang Việt (*)	151.875	151.875	5.315.625.000	5.315.625.000
Công ty CP Liên Minh (*)	1.000.000	1.000.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty CP ĐT XD KCN Vĩnh Lộc	1.200.000	1.200.000	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Viễn Thông Đô Thành	400.000	400.000	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP TM Đầu tư Đô Thành (*)	2.180.000	2.180.000	21.800.000.000	21.800.000.000
Công ty CP Đầu tư BĐS Đô Thành	5.000.000	4.300.000	50.000.000.000	43.000.000.000
Công ty CP Dịch vụ Điện tử Việt	26.000	-	7.852.000.000	-
Cộng	11.674.125	10.948.125	142.255.125.000	127.403.125.000

(*) Các khoản đầu tư dài hạn này chưa được đánh giá giá trị để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 31/12/2013.

Toàn bộ các khoản đầu tư dài hạn nêu trên chưa được xem xét trích lập bổ sung dự phòng tổn thất đầu tư tài chính tại ngày 30/06/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN

Chỉ tiêu	Tại 01/01/2014			Số phát sinh trong năm		Tại 30/06/2014			Số dự phòng đã lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
1. Phải thu của khách hàng	-	-	-	-	-	-	-	-	-
2. Trả trước cho người bán	1.149.232.000	-	-	2.480.490.916	1.557.383.916	2.072.339.000	-	-	-
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.740.051.268	-	-	354.866.471.478	332.539.954.502	27.066.568.244	-	-	-
- Phải thu khách hàng về giao dịch chứng khoán	4.740.051.268	-	-	354.866.471.478	332.539.954.502	27.066.568.244	-	-	-
4. Phải thu khác	603.489.919.395	-	31.477.216.156	35.468.371.893	404.733.062.779	234.225.228.509	-	31.083.346.004	25.332.782.572
- HĐ HTDT chứng khoán niêm yết	15.472.000.454	-	15.472.000.454	-	-	15.472.000.454	-	15.472.000.454	13.491.777.572
- HĐ HTDT CK chưa niêm yết	328.527.678.848	-	-	-	328.527.678.848	-	-	-	-
- HĐ ủy thác đầu tư (1)	241.518.682.286	-	-	8.477.730.034	48.866.692.820	201.129.719.500	-	-	-
- Phải thu khác của nhà đầu tư (2)	16.005.215.702	-	16.005.215.702	26.944.490.959	27.338.361.111	15.611.345.550	-	15.611.345.550	11.841.005.000
- Phải thu khác - tài sản chờ xử lý (3)	1.966.012.105	-	-	-	-	1.966.012.105	-	-	-
- Phải thu khác	330.000	-	-	46.150.900	330.000	46.150.900	-	-	-
	(25.529.782.572)	-	-	-	197.000.000	(25.332.782.572)	-	-	-
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi									
Cộng	583.849.420.091	-	31.477.216.156	392.815.334.287	739.027.401.197	238.031.353.181	-	31.083.346.004	25.332.782.572

(1) Công ty ký hợp đồng ủy thác cho cá nhân thực hiện đầu tư trong đó Công ty cung cấp vốn và hưởng lãi suất cố định với tài sản đảm bảo là 20.839.811 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) và 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư). Trong đó số phải thu được đảm bảo bằng cổ phiếu STB có giá trị 189.000.000.000 đồng.

(2) Chủ yếu là lãi của các nhà đầu tư phải trả liên quan đến các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán chưa niêm yết và nợ khó đòi liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán.

(3) Tiền chuyển vào tài khoản tạm giữ của Công an theo Công văn số 829/CAHK/ĐTTH ngày 31/07/2013 để khắc phục hậu quả sai phạm của nhân viên môi giới. Hiện vụ án vẫn đang được tiếp tục điều tra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN (TIẾP)

6.1 PHẢI THU KHÁCH HÀNG VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải thu phí bán của khách hàng	24.348.850	6.387.459
Phải thu khách hàng ứng trước tiền bán chứng khoán	6.455.892.382	777.657.637
Phải thu khách hàng giao dịch ký quỹ	20.586.327.012	3.956.006.172
Cộng	27.066.568.244	4.740.051.268

6.2 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Số dư đầu năm	(25.529.782.572)	(15.330.952.550)
Số sử dụng trong năm	-	1.980.879.353
Số hoàn nhập/(trích lập) trong năm	197.000.000	(12.179.709.375)
Số dư cuối năm	(25.332.782.572)	(25.529.782.572)

7. TIỀN NỢP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán phản ánh các khoản tiền ký quỹ tại các Trung tâm Giao dịch Chứng khoán. Biến động của khoản tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán trong năm như sau:

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Tiền nộp ban đầu	124.212.275	124.212.275
Tiền nộp bổ sung	2.250.397.707	2.250.397.707
Tiền lãi phân bổ	475.222.426	475.222.426
Cộng	2.849.832.408	2.849.832.408

8. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Ký cược, ký quỹ dài hạn	4.850.000.000	3.063.000.000
Cộng	4.850.000.000	3.063.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)***9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	TSCĐ khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2014	5.814.034.824	4.535.854.203	3.254.841.877	5.459.699.213	19.064.430.117
Tại 30/06/2014	5.814.034.824	4.535.854.203	3.254.841.877	5.459.699.213	19.064.430.117
HAO MÒN LUY KẾ					
Tại 01/01/2014	(3.314.658.721)	(4.442.146.444)	(2.166.126.784)	(5.167.737.361)	(15.090.669.310)
Trích khấu hao trong năm	(292.372.617)	(47.311.904)	(195.529.743)	(58.392.372)	(593.606.636)
Tại 30/06/2014	(3.607.031.338)	(4.489.458.348)	(2.361.656.527)	(5.226.129.733)	(15.684.275.946)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2014	2.499.376.103	93.707.759	1.088.715.093	291.961.852	3.973.760.807
Tại 30/06/2014	2.207.003.486	46.395.855	893.185.350	233.569.480	3.380.154.171

Giá trị còn lại tại 30/06/2014 của TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 10.162.726.153 đồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Website công ty VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ				
Tại 01/01/2014	4.273.308.840	168.955.500	247.396.481	4.689.660.821
Tăng do mua mới	45.000.000			45.000.000
Tại 30/06/2014	<u>4.318.308.840</u>	<u>168.955.500</u>	<u>247.396.481</u>	<u>4.734.660.821</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ				
Tại 01/01/2014	(2.990.499.054)	(168.955.500)	(247.396.481)	(3.406.851.035)
Trích khấu hao trong năm	(474.312.850)			(474.312.850)
Tại 30/06/2014	<u>(3.464.811.904)</u>	<u>(168.955.500)</u>	<u>(247.396.481)</u>	<u>(3.881.163.885)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2014	<u>1.282.809.786</u>	-	-	<u>1.282.809.786</u>
Tại 30/06/2014	<u>853.496.936</u>	-	-	<u>853.496.936</u>

Giá trị còn lại tại 30/06/2014 của TSCĐ đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng: 1.345.233.301 đồng

11. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Bất động sản đầu tư VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ		
Tại 01/01/2014	3.514.818.000	3.514.818.000
Tại 30/06/2014	<u>3.514.818.000</u>	<u>3.514.818.000</u>
HAO MÒN LUỸ KẾ		
Tại 01/01/2014	(1.698.828.700)	(1.698.828.700)
- Trích khấu hao trong năm	(175.740.900)	(175.740.900)
Tại 30/06/2014	<u>(1.874.569.600)</u>	<u>(1.874.569.600)</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại 01/01/2014	<u>1.815.989.300</u>	<u>1.815.989.300</u>
Tại 30/06/2014	<u>1.640.248.400</u>	<u>1.640.248.400</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

12. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Tại 01/01/2014 VND	Số vay trong kỳ VND	Số đã trả trong kỳ VND	Tại 30/06/2014 VND
Vay ngắn hạn	107.500.000.000	-	-	107.500.000.000
Vay ngắn hạn Ngân hàng	107.500.000.000	-	-	107.500.000.000
+ Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở (1)	107.500.000.000	-	-	107.500.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả	329.061.000.000	-	329.061.000.000	-
Mệnh giá Trái phiếu phát hành	329.000.000.000	-	329.000.000.000	-
+ Ngân hàng TMCP Bưu Điện Liên Việt (2)	329.000.000.000	-	329.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Bến Thành	61.000.000	-	61.000.000	-
Cộng	436.561.000.000	-	329.061.000.000	107.500.000.000

- (1) Khoản vay Ngân hàng TMCP Bản Việt - Hội sở chính theo hợp đồng tín dụng số 0093/068/2013/HĐTD ngày 12/12/2013 với số gốc vay 107.500.000.000 đồng nhằm mục đích bổ sung vốn kinh doanh. Lãi suất vay 12%/năm và thay đổi theo thông báo của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Thời hạn vay 12 tháng từ ngày 12/12/2013 đến 12/12/2014. Khoản vay này được đảm bảo bằng cổ phiếu STB (xem chi tiết tại thuyết minh số 25).
- (2) Khoản vay theo Hợp đồng mua trái phiếu 20/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 và Hợp đồng mua trái phiếu 21/11/TP-BSI ngày 29/6/2011 giữa Công ty CP Chứng khoán BETA (Bên phát hành) và Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt (Nhà đầu tư). Tổng số lượng trái phiếu phát hành ban đầu là 385.000 trái phiếu, với tổng giá trị là 385 tỷ đồng. Toàn bộ nguồn thu về từ đợt phát hành được tổ chức phát hành sử dụng cho mục đích tài trợ cho việc hợp tác đầu tư cổ phiếu và trái phiếu được Ngân hàng TMCP Liên Việt chấp thuận. Kỳ hạn trái phiếu là 3 năm, đáo hạn vào ngày 30/06/2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘ NHÀ NƯỚC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT	9.017.500	1.536.365
Thuế Thu nhập cá nhân	146.092.544	205.621.892
Cộng	155.110.044	207.158.257

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí quản lý cổ đông	22.971.860	19.781.720
Cộng	22.971.860	19.781.720

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘ NGẮN HẠN KHÁC

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	10.706.040	-
Kinh phí công đoàn	51.495.545	38.176.128
Các khoản phải trả, phải nộ khác	1.730.313.208	1.773.022.653
<i>Phải trả cổ tức công ty BETA</i>	<i>1.466.400.000</i>	<i>1.466.400.000</i>
<i>Phải trả khác cho nhà đầu tư</i>	<i>263.913.208</i>	<i>306.622.653</i>
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	11.480.544.957	8.175.290.286
Cộng	13.273.059.750	9.986.489.067

16. PHẢI TRẢ HOẠT ĐỘNG GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN

	Tại 30/06/2014	Tại 01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Sở Giao dịch chứng khoán	43.636.917	20.533.444
Phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán	57.150.341	60.756.346
Phải trả tổ chức, cá nhân khác	6.376.185.000	1.252.516.000
Cộng	6.476.972.258	1.333.805.790

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

17.1 CHI TIẾT VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Theo đăng ký kinh doanh		Tại 30/06/2014
	Số vốn cam kết góp VND	Tỷ lệ %	Số vốn thực góp VND
Ông Nguyễn Văn Cựu	106.497.660.000	26,62%	106.497.660.000
Bà Nguyễn Thị Minh Kỳ	73.843.300.000	18,46%	73.843.300.000
Bà Huỳnh Thị Ngọc Hân	51.130.000.000	12,78%	51.130.000.000
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	36.850.000.000	9,21%	36.850.000.000
Ngân hàng TMCP Nam Á	44.000.000.000	11,00%	44.000.000.000
Ông Huỳnh Văn Thọ	30.000.000.000	7,50%	30.000.000.000
Bà Phan Thị Yên Hà	25.925.000.000	6,48%	25.925.000.000
Các cổ đông khác	31.754.040.000	7,94%	31.754.040.000
Cộng	400.000.000.000	100%	400.000.000.000

17.2 LỢI NHUẬN SAU THUẾ CHƯA PHÂN PHỐI PHÁT SINH TRONG KỲ

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013
	Số tăng/(giảm) VND	Số tăng/(giảm) VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		
- Trích quỹ đầu tư phát triển	-	(368.357.000)
- Trích quỹ đầu tư dự phòng tài chính	-	(368.357.000)
- Trích quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	-	(368.357.000)
- Trích quỹ khen thưởng	-	(368.357.000)
- Chi phí truy thu thuế (*)	-	(2.922.652.432)
- Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế tăng trong năm	2.240.047.050	(6.242.114.882)
Cộng	2.240.047.050	(10.638.195.314)

(*) Chi phí truy thu thuế theo quyết định số 1376/QĐ-CT-TTr2 ngày 15/04/2013 về việc xử lý về thuế, xử phạt vi phạm hành chính qua thanh tra việc chấp hành pháp luật về thuế, niên độ thanh tra: năm 2008, 2009, 2010 và 2011.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

18. DOANH THU

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.264.352.170	1.655.722.866
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn - Cổ tức nhận được	1.519.087.767 232.767	5.632.300.502 1.861.907.813
Doanh thu hoạt động tư vấn	217.489.722	94.545.455
Doanh thu lưu ký chứng khoán	122.667.098	-
Doanh thu hoạt động ủy thác đầu giá	-	23.556.000
Doanh thu khác	17.345.790.247	100.329.022.197
Cộng	20.469.387.004	107.735.147.020

19. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH CHỨNG KHOÁN

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí môi giới chứng khoán	475.875.863	371.524.332
Phí Lưu ký chứng khoán	329.064.886	370.266.661
Chi phí hoạt động đầu tư CK, góp vốn	365.000	2.344.343.875
Chi phí trả lãi tiền vay	20.228.071.730	101.690.713.940
Chi phí dự phòng	(11.019.863.644)	(6.630.862.998)
Chi phí tư vấn, môi giới	39.359.600	-
Chi phí khác	1.709.615.063	3.032.347.488
Cộng	11.762.488.498	101.178.333.298

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	2.345.917.861	3.118.335.968
Chi phí vật liệu quản lý	60.356.430	190.218.379
Chi phí đồ dùng văn phòng	199.769.991	43.396.261
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.067.919.486	1.434.301.756
Thuế phí, lệ phí	4.000.000	5.120.000
Chi phí dự phòng	(197.000.000)	3.616.208.042
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.474.393.081	3.503.207.108
Chi phí bằng tiền khác	527.572.093	888.133.740
Cộng	6.482.928.942	12.798.921.254

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

21. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.240.047.050	(6.242.114.882)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(232.767)	(1.861.907.813)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	(232.767)	(1.861.907.813)
Chuyển lỗ năm 2013	28.810.398.539	
Tổng thu nhập chịu thuế	(26.570.584.256)	(8.104.022.695)
Thuế suất thuế TNDN	22%	25%
Thuế TNDN phải nộp trong năm	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

QUẢN LÝ RỦI RO VỐN

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các Cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần, phần vốn thuộc sở hữu của các Cổ đông của Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.14.

Tại ngày 30/06/2014, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

CÁC CHÍNH SÁCH KÊ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.276.023.566	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	66.769.154.009	55.749.655.365
- Cổ phiếu niêm yết	66.769.103.209	55.749.239.565
Các khoản phải thu ngắn hạn	233.993.002.076	582.700.188.091
Đầu tư chứng khoán dài hạn	11.519.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	146.390.398.657	129.751.398.657
	504.947.578.308	827.367.152.418
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	107.500.000.000	436.561.000.000
Phải trả người bán	83.160.388	55.634.800
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.476.972.258	1.333.805.790
Chi phí phải trả	22.971.860	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	13.210.858.165	10.001.284.676
	127.293.962.671	447.971.506.986
Trạng thái ròng	377.653.615.637	379.395.645.432

TÀI SẢN ĐẢM BẢO

Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

Trong năm, Công ty sử dụng các tài sản tài chính để thế chấp cho khoản vay ngắn hạn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 0093/068/2013/HĐTD ngày 12/12/2013 giữa Ngân hàng TMCP Bán Việt và công ty CP Chứng khoán BETA, bao gồm: 10.009.300 Cổ phiếu STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) trong đó:

- 3.240.894 cổ phiếu STB do Công ty đứng tên sở hữu.
- 5.598.825 cổ phiếu STB do Bà Phạm Thị Ngọc Quyên đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 419.600 cổ phiếu STB do Bà Lê Nguyễn Tường Vy đứng tên sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 375.850 cổ phiếu STB do Bà Nguyễn Thị Hải đứng tên sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 212.461 cổ phiếu STB do Bà Đỗ Thị Hồng đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.
- 161.670 cổ phiếu STB do Bà Nguyễn Thị Ngọc Thương đứng tên chủ sở hữu bảo lãnh cho Công ty vay.

Tổng giá trị tài sản đảm bảo là: 145.134.850.000 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

TÀI SẢN ĐẢM BẢO (TIẾP)

Tài sản nhận thế chấp của các đơn vị khác

Đối với các hợp đồng ủy thác đầu tư cho các cá nhân, tài sản thế chấp là 20.839.811 cổ phiếu mã STB (Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín) và 1.500.000 cổ phiếu ACI (Công ty CP Đầu tư An Cư).

MỤC TIÊU QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

RỦI RO THỊ TRƯỜNG

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

RỦI RO TÍN DỤNG

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
30/06/2014				
Vay và nợ	-	107.500.000.000	-	107.500.000.000
Phải trả người bán	83.160.388	-	-	83.160.388
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.476.972.258	-	-	6.476.972.258
Chi phí phải trả	22.971.860	-	-	22.971.860
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	13.210.858.165	-	-	13.210.858.165
	19.793.962.671	107.500.000.000	-	127.293.962.671
01/01/2014				
Vay và nợ	-	436.561.000.000	-	436.561.000.000
Phải trả người bán	55.634.800	-	-	55.634.800
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	1.333.805.790	-	-	1.333.805.790
Chi phí phải trả	-	19.781.720	-	19.781.720
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn	10.001.284.676	-	-	10.001.284.676
	11.390.725.266	436.580.781.720	-	447.971.506.986

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

22. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)

QUẢN LÝ RỦI RO THANH KHOẢN (TIẾP)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Bất kỳ thời điểm nào	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND	VND
30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	46.276.023.566	-	-	46.276.023.566
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	66.769.154.009	-	-	66.769.154.009
Các khoản phải thu ngắn hạn	233.993.002.076	-	-	233.993.002.076
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	11.519.000.000	11.519.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	7.699.832.408	-	138.690.566.249	146.390.398.657
	354.738.012.059	-	150.209.566.249	504.947.578.308
01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	39.165.910.305	-	-	39.165.910.305
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	55.749.655.365	-	-	55.749.655.365
Các khoản phải thu ngắn hạn	582.700.188.091	-	-	582.700.188.091
Đầu tư chứng khoán dài hạn	-	-	20.000.000.000	20.000.000.000
Tài sản tài chính dài hạn khác	5.912.832.408	-	123.838.566.249	129.751.398.657
	683.528.586.169	-	143.838.566.249	827.367.152.418

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

23. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Giao dịch với các bên liên quan

	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Cổ đông lớn, thành viên	Giá trị giao dịch bán chứng khoán	2.091.736.000
Bà Trần Thị Bông	Phó Tổng Giám đốc	Giá trị giao dịch mua chứng khoán Giá trị giao dịch bán chứng khoán	742.960.000 603.720.000
Ngân hàng TMCP Bán Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay	6.521.666.666
Ngân hàng TMCP Bưu điện Liên Việt	Giao dịch lớn	Chi phí lãi vay Trả nợ vay trái phiếu	13.704.801.370 329.000.000.000
Bà Phạm Thụy Ngọc Quyên	Giao dịch lớn	Giá trị giao dịch bán chứng khoán Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	4.874.172.000 4.800.000.000
Bà Đỗ Thị Hồng	Giao dịch lớn	Thu nợ hợp đồng ủy thác đầu tư	4.000.000.000

Số dư với các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung	Tại 30/06/2014	
			Khoản phải thu VND	Khoản phải trả VND
Ngân hàng TMCP Bán Việt	Giao dịch lớn	Số dư vay ngắn hạn	-	107.500.000.000
Bà Nguyễn Thị Hải	Thành viên Ban kiểm soát	Phải thu hợp đồng ủy thác đầu tư	45.000.000.000	-
Ông Huỳnh Văn Tốt	Tổng Giám đốc	Tạm ứng	122.991.803	-
Bà Nguyễn Thị Minh Quang	Phó chủ tịch HĐQT	Tạm ứng	353.500.000	-

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc

	Từ 01/01/2014 đến 30/06/2014 VND	Từ 01/01/2013 đến 30/06/2013 VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị	65.323.000	211.670.870
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc	581.616.923	671.600.462
	646.939.923	883.271.332

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo)

24. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho giai đoạn từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty đã được kiểm toán.



Huỳnh Văn Tốt
Tổng Giám đốc

TP Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 08 năm 2014

Nguyễn Hữu Trường
Kế toán trưởng

Đinh Tuyết Mai
Người lập biểu

